

Số: /KH-GDDT

Dương Kinh, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo quận Dương Kinh năm 2025, định hướng đến năm 2030

Căn cứ Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 29/01/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn thành phố Hải Phòng (sau đây gọi là Kế hoạch số 16/KH-UBND);

Thực hiện Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 25/02/2025 của Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh về việc thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn quận Dương Kinh; Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 20/02/2025 của Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh về Chuyển đổi số quận Dương Kinh năm 2025 và các văn bản chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số quận Dương Kinh đến năm 2030 của Ủy ban nhân dân quận;

Phòng Giáo dục và Đào tạo quận xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo quận Dương Kinh năm 2025, định hướng đến năm 2030; cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số tạo đột phá trong đổi mới quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, đổi mới hoạt động giáo dục trong các nhà trường; tác động tích cực, toàn diện tới phương thức hoạt động, chất lượng, hiệu quả và công bằng trong giáo dục.
- Góp phần phát triển một số nền tảng, tài nguyên giáo dục sử dụng chung.
- Tận dụng tiên bộ công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học; nâng cao chất lượng và hiệu quả trong quản lý giáo dục; xây dựng nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số, góp phần phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn quận Dương Kinh.

2. Yêu cầu

- Việc thực hiện Kế hoạch phải bám sát Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 29/01/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố, Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày

25/02/2025 của Ủy ban nhân dân quận; cụ thể hoá nội dung Kế hoạch trong các chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ để thực hiện trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

- Chuyển đổi số trong giáo dục phải được triển khai đồng bộ, bao quát, có hệ thống trong toàn ngành Giáo dục và Đào tạo quận; triển khai bài bản từng bước có trọng tâm, trọng điểm, đúng quy trình và bảo đảm hiệu quả, lấy người học và nhà giáo là trung tâm của quá trình chuyển đổi số.

- Tranh thủ sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị để có điều kiện thuận lợi nhất trong khuôn khổ quy định của pháp luật nhằm thúc đẩy mạnh mẽ các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo trên địa bàn quận Dương Kinh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng và phát triển ngành Giáo dục và Đào tạo quận với cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại tập trung, thông tin tích hợp thống nhất, hành chính liên thông, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý giáo dục và dạy học; xây dựng nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số, góp phần phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số dưới sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận; tăng cường đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá, đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục trong thời kỳ mới, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quận.

2. Mục tiêu năm 2025

a) Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hằng ngày đối với mỗi cán bộ, giáo viên và học sinh.

- Về tiếp cận giáo dục trực tuyến: 90% học sinh và mỗi nhà giáo có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến.

- Về môi trường giáo dục trực tuyến:

- + Triển khai thống nhất một số nền tảng dạy và học trực tuyến (Microsoft Teams, Google Meet, Zoom, ...), được trên 70% học sinh sử dụng;

- + Hình thành kho học liệu trực tuyến của ngành Giáo dục quận (kết nối đến kho học liệu trực tuyến của ngành Giáo dục thành phố, kho học liệu trực tuyến quốc gia) đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho trên 50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông.

- Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến: Tỷ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 15% ở cấp tiểu học, 30% ở cấp trung học cơ sở trên địa bàn quận.

b) Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành dựa trên công nghệ và dữ liệu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng các dịch vụ hỗ trợ.

- Về quản trị nhà trường: 100% các cơ sở giáo dục trên địa bàn quận thuộc phạm vi quản lý áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó:

+ 100% người học, 100% nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất toàn quốc;

+ 80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo được quản lý bằng hồ sơ số.

- Về quản lý giáo dục: Tiếp tục triển khai sử dụng Hệ thống thông tin quản lý toàn ngành giáo dục đã được Bộ Giáo dục Đào tạo, Sở Giáo dục Đào tạo thành phố, Phòng Giáo dục Đào tạo quận thiết lập, cập nhật, khai thác và sử dụng hiệu quả, trong đó:

+ Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục đào tạo quận phải được kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục thành phố Hải Phòng tại địa chỉ <https://csdl.haiphong.edu.vn> tiếp tục được hoàn thiện, kết nối thông suốt với tất cả các cơ sở giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời; được kết nối và chia sẻ hiệu quả với hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của quận (DSS), hệ thống quản lý dữ liệu trung tâm của thành phố và các cơ sở dữ liệu quốc gia;

+ Hệ thống thông tin dữ liệu ngành giáo dục quận vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trên 80% hồ sơ công việc tại cấp phòng, trên 60% hồ sơ công việc tại các cơ sở giáo dục được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- Về dịch vụ hỗ trợ người học, người dân:

+ 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (hoặc mức độ 3 nếu không phát sinh thanh toán);

+ Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 60%;

+ Tỷ lệ người học, phụ huynh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục trên địa bàn quận đạt trung bình 90%;

+ Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của cơ quan quản lý giáo dục quận đạt trung bình 90%.

3. Mục tiêu đến năm 2030

- Tiếp tục thực hiện, rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện và hoàn chỉnh các mục tiêu cơ bản trong năm 2025, triển khai các nhiệm vụ, mục tiêu đến năm 2030 về chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo, góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch chuyển đổi số quận Dương Kinh năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Thực hiện đưa tất cả thành tố của hệ thống giáo dục quận vào môi trường số, lựa chọn một nền tảng dạy và học trực tuyến chung của quận, liên thông với nền tảng dạy học trực tuyến của thành phố, tích hợp kho học liệu hỗ trợ 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho toàn bộ chương trình GDPT 2018.

- 100% nguồn lực, chương trình và đối tượng giáo dục của ngành giáo dục đào tạo quận được quản lý trên môi trường số, kết nối thông suốt toàn ngành và liên thông với cơ sở dữ liệu thành phố, các cơ sở dữ liệu, thông tin quốc gia.

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

a) Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong Phòng Giáo dục Đào tạo quận và các cơ sở giáo dục trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của quận; triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin các hệ thống số hoá, đảm bảo an toàn trong các hoạt động dạy, học và làm việc trên môi trường số. Ưu tiên sử dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng đám mây; đảm bảo kết nối internet các quang tới tất cả các cơ sở giáo dục trong quận.

b) Tiếp tục hình thành, phát triển hệ thống phòng học tương tác thông minh cho các trường trọng điểm, trường học đạt chuẩn quốc gia, đạt kiểm định chất lượng giáo dục; hướng tới hình thành xây dựng thí điểm phòng thực hành, thí nghiệm (Lab) hiện đại, phòng Lab mô phỏng, ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR), phòng sản xuất âm nhạc (Studio), ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI).

2. Phát triển hệ sinh thái chuyển đổi số hoạt động dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học

a) Đổi mới mô hình dạy, học:

Triển khai, thí điểm triển khai các mô hình dạy, học tiên tiến trên nền tảng số theo hướng dạy học kết hợp (lớp học thông minh, nhóm học tương tác, tự học với trợ lý ảo) phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế của giáo dục phổ thông trên địa bàn quận theo chương trình, đề án, kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Phát triển kho học liệu số chia sẻ dùng chung:

- Phát triển kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung toàn ngành giáo dục đào tạo quận (bao gồm: cơ sở dữ liệu dùng chung DSS, bài giảng điện tử, bài giảng dạy trên truyền hình, bài giảng e-learning, học liệu số, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu giáo dục khác); phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho tất cả các môn học của giáo dục phổ thông trên địa bàn quận.

- Tiếp tục hình thành, xây dựng và hoàn thiện thư viện điện tử các trường Tiểu học, THCS trong quận; công thư viện số kết nối liên thông với các kho học liệu số, công thông tin điện tử giữa các cơ sở giáo dục trong quận, kết nối với kho học liệu, công thư viện số của giáo dục đào tạo thành phố.

- Thực hiện xây dựng nền tảng chia sẻ thông tin học tập, thông tin giáo dục dựa trên nền tảng hệ thống tác nghiệp theo hướng dẫn của Sở Giáo dục Đào tạo.

c) Triển khai thực hiện xây dựng công kiểm định chất lượng ngành giáo dục, đào tạo phục vụ chuyển đổi số trong công tác kiểm định chất lượng tại các đơn vị giáo dục trên địa bàn quận, tiến tới mục tiêu quản lý kiểm định chất lượng không sử dụng giấy tờ, nâng cao hiệu quả quản lý của các cơ sở giáo dục.

d) Tăng cường triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số kết nối thông tin hai chiều giữa gia đình và nhà trường thông qua OTT (Over The Top) theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục Đào tạo về việc ban hành bộ chỉ số đánh giá mức độ thực hiện chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ Giáo dục Đào tạo Ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục mầm non.

đ) Phân đầu 100% cơ sở giáo dục áp dụng giải pháp thanh toán học phí và các khoản thu bằng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, kết nối, chia sẻ dữ liệu với CSDL ngành giáo dục đào tạo quận, với CSDL ngành và Trung tâm Điều hành giáo dục thông minh thành phố.

e) Khuyến khích các cơ sở giáo dục trong quận triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn an ninh trong môi trường giáo dục nhằm mục tiêu “Công trường thông minh” bằng các giải pháp kiểm soát vào ra bằng thẻ, nhận diện khuôn mặt, điểm danh tự động, ...

3. Triển khai đồng bộ hệ thống thông tin quản lý giáo dục đào tạo và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục

a) Đổi mới mô hình, quy trình quản lý, cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính theo chỉ đạo của UBND quận:

- Thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hoá các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ theo hướng giúp ứng dụng hiệu quả công nghệ số;

- Rà soát, mở rộng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 lĩnh vực giáo dục và đào tạo áp dụng lên hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến của quận với các hệ thống nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số và đồng bộ với Cổng dịch vụ Quốc gia;

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ (như trợ lý ảo, trả lời tự động); thử nghiệm nền tảng dùng chung giải quyết một số thủ tục hành chính không dùng giấy tờ trong ngành giáo dục dựa trên nền tảng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục quận, thành phố.

b) Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin quản lý giáo dục và đào tạo:

- Tiếp tục xây dựng, nâng cấp cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, cơ sở dữ liệu dùng chung (DSS) của quận đảm bảo phục vụ tốt cho tất cả các cơ quan quản lý giáo dục và các cơ sở giáo dục trên địa bàn quận; tham gia thực hiện tốt việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu lớn của ngành giáo dục thành phố (bao gồm cơ sở dữ liệu về người học, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và nhân viên, cơ sở vật chất, tài chính - đầu tư, kiểm định chất lượng giáo dục, ...);

- Triển khai hệ thống thông tin quản lý ngành giáo dục, kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, Phòng Giáo dục Đào tạo đến Sở Giáo dục Đào tạo, Bộ Giáo dục Đào tạo; kết nối dữ liệu giữa ngành giáo dục quận với dữ liệu ngành giáo dục thành phố, cơ sở dữ liệu quốc gia, phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý giáo dục;

- Xây dựng và phát triển trung tâm điều hành, giám sát thông tin ở Phòng Giáo dục Đào tạo quận và trường học, kết nối với trung tâm điều hành, giám sát thông tin của Sở Giáo dục Đào tạo; ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn hỗ trợ hoạt động quản lý giáo dục.

c) Phát triển các ứng dụng, nền tảng số phục vụ quản trị các cơ sở giáo dục:

- Triển khai nền tảng quản trị nhà trường tích hợp không gian làm việc số tới các cơ sở giáo dục trên địa bàn quận nhằm tạo môi trường làm việc và tương tác trực tuyến cho cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên và người học; đảm bảo kết nối, báo cáo liên thông dữ liệu từ cơ sở giáo dục với hệ thống cơ sở dữ liệu quận, thành phố và hệ thống cơ sở dữ liệu toàn quốc của ngành giáo dục;

- Trên nền tảng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục quận, thành phố, triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, liên lạc giữa nhà trường với gia đình, thanh toán không dùng tiền mặt, truyền thông và kết nối với các nền tảng ứng dụng trong và ngoài ngành giáo dục; triển khai các mô hình quản trị nhà trường tiên tiến trên nền tảng số đảm bảo thiết thực và hiệu quả.

d) Xây dựng môi trường số kết nối:

- Triển khai nền tảng số, chia sẻ dữ liệu của ngành giáo dục quận kết nối với trực tích hợp, liên thông dữ liệu quốc gia; triển khai nền tảng quản lý mã định danh, xác thực người dùng trên môi trường số của ngành giáo dục theo chỉ đạo của Sở Giáo dục Đào tạo, Bộ Giáo dục Đào tạo;

- Ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (IoT) trong số hoá, giám sát, quản lý và khai thác các nguồn lực, đối tượng và hoạt động giáo dục trong nhà trường, đảm bảo kết nối thời gian thực với hệ thống thông tin quản trị nhà trường.

4. Tuyên truyền phổ biến nâng cao nhận thức; đào tạo, bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học; nâng cao chỉ số phát triển nguồn nhân lực và Chính phủ điện tử (HCI)

a) Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo đến toàn thể đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học.

b) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học đảm bảo quản lý, làm việc, học tập hiệu quả trên môi trường số; kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của Phòng Giáo dục Đào tạo, các cơ sở giáo dục trên địa bàn quận; thí điểm bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin tiếp cận chuẩn quốc tế tại một số cơ sở giáo dục trên địa bàn quận có đủ điều kiện và yêu cầu cao về nhân lực chuyển đổi số, triển khai hệ thống bồi dưỡng giáo viên đảm bảo tất cả các giáo viên có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu.

c) Tiếp tục triển khai mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật (Giáo dục STEM/STEAM), phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

d) Tiếp tục thực hiện các giải pháp để nâng cao chỉ số thành phần nguồn nhân lực trong ngành giáo dục của quận theo phương pháp đánh giá Chính phủ điện tử của Liên hợp quốc, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức liên quan để cung cấp các số liệu kịp thời theo sự chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên.

5. Huy động các nguồn lực tham gia ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

a) Đẩy mạnh hợp tác về công nghệ thông tin để giới thiệu các giải pháp công nghệ tiên tiến về công nghệ giáo dục và chuyển đổi số áp dụng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

b) Tranh thủ mọi nguồn lực xã hội để đầu tư xây dựng các nền tảng số và ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo, ưu tiên cho phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến, hệ thống học tập trực tuyến, kho học liệu số dùng chung, cơ sở dữ liệu dùng chung của quận (DSS), cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo quận.

6. Thực hiện các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của quản lý cấp trên về hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số và tăng cường giám sát, đánh giá việc thực hiện cơ chế, chính sách

a) Tổ chức rà soát, xây dựng và ban hành hệ thống văn bản quy định về chuyển đổi số trong các hoạt động dạy và học, quản trị cơ sở giáo dục, quản lý giáo dục; quy định về cơ sở dữ liệu trong ngành giáo dục và đào tạo trên địa bàn quận. Thực hiện quy định về năng lực số của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học do Sở Giáo dục Đào tạo phối hợp chỉ đạo, Bộ Giáo dục Đào tạo ban hành.

b) Hướng dẫn các cơ sở giáo dục trên địa bàn quận kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các đơn vị, cơ quan quản lý nhà nước trong ngành giáo dục và ngành giáo dục với các cơ sở dữ liệu thành phố, cơ sở dữ liệu quốc gia; hướng dẫn kết nối kỹ thuật triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn quận; bám sát các bộ chỉ tiêu đánh giá chuyển đổi số đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn quận.

c) Thúc đẩy các hoạt động đổi mới sáng tạo, các mô hình giáo dục và đào tạo mới dựa trên nền tảng và công nghệ số; huy động sự tham gia và đóng góp nguồn lực của các tổ chức, cá nhân cho chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; thúc đẩy phát triển công nghệ giáo dục (Edtech), máy tính giáo dục cho học sinh, internet giáo dục trên địa bàn quận.

d) Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn quận; tổ chức đánh giá, công bố chỉ số chuyển đổi số đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn quận và Phòng Giáo dục Đào tạo quận trên các phương tiện thông tin đại chúng.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Bảo đảm tiết kiệm, minh bạch, đúng pháp luật, chống tiêu cực, lãng phí trong sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn lực huy động hợp pháp khác.

2. Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật để thực hiện các chương trình, dự án nhằm triển khai Kế hoạch.

3. Ưu tiên triển khai nhiệm vụ của Kế hoạch theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, hình thức đặt hàng tùy theo từng nhiệm vụ cụ thể.

(Danh sách các nhiệm vụ ưu tiên thực hiện chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo quận giai đoạn 2025-2030 theo Phụ lục gửi kèm).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Ban hành Kế hoạch triển khai, chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn quận (thuộc phạm vi quản lý) thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo năm 2025, lộ trình đến năm 2030; bám sát mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp theo kế hoạch chuyển đổi số quận Dương Kinh của UBND quận.

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chuyển đổi số theo từng năm, từng năm học theo hướng dẫn, chỉ đạo của Sở Giáo dục Đào tạo và UBND quận;

cụ thể hoá các mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện trong kế hoạch của UBND quận thành các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện của ngành giáo dục.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn quận (thuộc phạm vi quản lý) xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chuyển đổi số năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo hướng dẫn, chỉ đạo của Phòng Giáo dục Đào tạo; cụ thể hoá các mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện thành các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện của nhà trường, phù hợp với điều kiện, đặc điểm tình hình trong từng năm, từng năm học.

- Định kỳ kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn, báo cáo Ủy ban nhân dân quận; tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của Phòng Giáo dục Đào tạo; chỉ đạo các cơ sở giáo dục công lập tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của nhà trường; kiểm tra, thẩm định và công nhận mức độ chuyển đổi số cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn quận theo từng năm học; tổng kết tình hình thực hiện vào năm kết thúc Kế hoạch.

- Tiếp nhận các kiến nghị, phản ánh của các tổ chức, cá nhân trong quá trình triển khai thực hiện gặp khó khăn, vướng mắc, báo cáo về Ủy ban nhân dân quận kịp thời giải quyết. Đồng thời phát hiện những ý tưởng, giải pháp đổi mới, sáng tạo để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số đối với ngành giáo dục đào tạo quận, góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch chuyển đổi số quận Dương Kinh.

2. Các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn quận

- Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện chuyển đổi số năm 2025, lộ trình đến năm 2030; bám sát mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp theo kế hoạch chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo quận.

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chuyển đổi số theo từng năm, từng năm học theo hướng dẫn, chỉ đạo của Sở Giáo dục Đào tạo, Phòng Giáo dục Đào tạo và UBND quận; cụ thể hoá các mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện tại kế hoạch của ngành giáo dục quận thành các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện của nhà trường, phù hợp với điều kiện, đặc điểm tình hình trong từng năm, từng năm học.

- Tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của nhà trường, phê duyệt kết quả đánh giá và trình Phòng Giáo dục Đào tạo quận kiểm tra, thẩm định và công nhận theo quy định; tổng kết tình hình thực hiện vào năm kết thúc Kế hoạch.

- Gửi ý kiến nghị, kiến nghị, phản ánh của tập thể, cá nhân trong nhà trường trong quá trình triển khai thực hiện gặp khó khăn, vướng mắc về Phòng Giáo dục Đào tạo tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân quận kịp thời giải quyết. Phát hiện, lan toả những ý tưởng, giải pháp đổi mới, sáng tạo để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số đối với ngành giáo dục đào tạo quận, góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch chuyển đổi số quận Dương Kinh.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo quận Dương Kinh năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận.

Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo quận yêu cầu các trường Mầm non, Tiểu học, THCS, trường TH&THCS Tân Thành trong quận và các cơ quan, tập thể, cá nhân có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị liên hệ kịp thời về Phòng Giáo dục và Đào tạo quận (qua đ/c Đào Văn Sỹ, SĐT: 0904343118) để được hướng dẫn thực hiện./.

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND quận (NTN) (để b/c);
- Sở GD&ĐT (để b/c);
- Các trường MN, TH, THCS trong quận (để t/h);
- Trường TH&THCS TT (để t/h);
- Công TTĐT GD&ĐT quận;
- Lưu: GDĐT. 

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Chí Linh

PHỤ LỤC
DANH MỤC VÀ LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN THỰC HIỆN
CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH GIÁO DỤC ĐÀO TẠO QUẬN GIAI ĐOẠN 2025-2030
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-GDDT ngày /02/2025 của Phòng GD&ĐT quận)

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Nội dung	Phạm vi, quy mô		Lộ trình thực hiện					
			Phòng GDĐT	Trường	2025	2026	2027	2028	2029	2030
I.	Các nhiệm vụ tiếp tục triển khai trong năm 2025									
1	Triển khai ký số trong ngành giáo dục đáp ứng yêu cầu số hoá sổ điểm và học bạ nhằm đổi mới phương thức quản lý giáo dục, cung cấp dịch vụ công trực tuyến ngành giáo dục		X	X	X	X	X	X	X	X
2	Xây dựng CSDL tuyển sinh đầu cấp ngành quận theo chỉ đạo của ngành giáo dục thành phố		X	X	X	X	X	X	X	X
3	Xây dựng Cổng thông tin điện tử ngành giáo dục và đào tạo quận theo chỉ đạo của ngành giáo dục thành phố		X	X	X	X	X	X	X	X
II.	Các nhiệm vụ chuyển đổi số giai đoạn 2025-2030									
4	Xây dựng phần mềm lập kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ mầm non	- Xây dựng phân hệ quản ly, lập kế hoạch chăm sóc trẻ mầm non triển khai tại Phòng GDĐT và các cơ sở giáo dục mầm non theo hướng dẫn, chỉ đạo của Sở GDĐT; - Sử dụng chữ ký số để xác thực	X	X	X	X	X	X	X	X

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Nội dung	Phạm vi, quy mô		Lộ trình thực hiện					
			Phòng GDĐT	Trường	2025	2026	2027	2028	2029	2030
		các hồ sơ chuyên môn của nhà trường, giáo viên; liên thông với CSDL ngành về dữ liệu giáo viên.								
5	Xây dựng hệ thống quản lý hồ sơ chuyên môn của các cơ sở giáo dục (các bậc học, cấp học)	- Xây dựng phân hệ quản lý hồ sơ chuyên môn triển khai tại Phòng GDĐT và các cơ sở giáo dục theo hướng dẫn, chỉ đạo của Sở GDĐT; - Sử dụng chữ ký số để xác thực các hồ sơ chuyên môn của nhà trường, giáo viên; liên thông với CSDL ngành về dữ liệu giáo viên.	X	X	X	X	X	X	X	X
6	Xây dựng Hệ thống thư viện điện tử	- Thư viện điện tử trong các cơ sở giáo dục phổ thông; cổng thư viện số kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ học liệu với các cơ sở giáo dục; - Liên thông với CSDL ngành để thống kê, báo cáo.	X	X	X	X	X	X	X	X

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Nội dung	Phạm vi, quy mô		Lộ trình thực hiện					
			Phòng GDDT	Trường	2025	2026	2027	2028	2029	2030
7	Xây dựng hệ thống công kiểm định chất lượng	Công kiểm định chất lượng ngành giáo dục phục vụ chuyển đổi số trong công tác kiểm định chất lượng tại các cơ sở giáo dục, tiến tới mục tiêu quản lý kiểm định chất lượng không sử dụng giấy tờ, nâng cao hiệu quả quản lý của các cơ quan, đơn vị; - Liên thông với CSDL ngành nhằm truy suất thông tin về trường, lớp, đội ngũ và học sinh có liên quan.	X	X	X	X	X	X	X	X
8	Xây dựng hệ thống quản lý các cuộc thi, kỳ thi (Khoa học kỹ thuật, Học sinh giỏi, Toán và Khoa học tự nhiên bằng tiếng Anh, ...)	- Xây dựng các phân hệ phần mềm quản lý các kỳ thi, cuộc thi: Khoa học kỹ thuật, Học sinh giỏi, Toán và Khoa học tự nhiên bằng tiếng Anh, ... - Sử dụng chữ ký số để xác thực các chứng nhận, chứng chỉ các cuộc thi, kỳ thi; - Liên thông với CSDL ngành về dữ liệu học sinh, giáo viên.	X	X	X	X	X	X	X	X

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Nội dung	Phạm vi, quy mô		Lộ trình thực hiện					
			Phòng GDDT	Trường	2025	2026	2027	2028	2029	2030
9	Số hoá hệ thống quản lý bằng tốt nghiệp THCS được cấp và phát cho người học đang lưu trữ tại Phòng GDDT và các trường phổ thông cấp THCS	- Số hoá thông tin quản lý văn bằng tốt nghiệp THCS từ năm 2007 đến nay; - Phục vụ việc tra cứu của nhân dân và các cơ quan chức năng.	X	X	X	X	X	X	X	X
10	Xây dựng kho học liệu số của ngành giáo dục quận theo hướng dẫn, chỉ đạo của ngành giáo dục thành phố	- Xây dựng Kho học liệu điện tử, học liệu mở, ngân hàng câu hỏi thi, ngân hàng đề thi, bài giảng điện tử, bài giảng e-learning của ngành giáo dục quận và các cơ sở giáo dục theo hướng dẫn, chỉ đạo của ngành giáo dục thành phố, giúp giáo viên, học sinh trong việc dạy, học, ôn tập và kiểm tra chất lượng, thi lấy điểm chính thức bằng hình thức trực tuyến trên mạng internet; - Sử dụng chữ ký số để xác thực các nguồn học liệu số của giáo viên, kết quả đánh giá năng lực; - Liên thông với CSDL ngành về dữ liệu học sinh, giáo viên. Mục tiêu đến hết năm 2025, toàn ngành giáo dục quận xây dựng được tối thiểu 50% nội dung chương trình GDPT số (được đưa lên kho học liệu số).	X	X	X	X	X	X	X	X

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Nội dung	Phạm vi, quy mô		Lộ trình thực hiện					
			Phòng GDDT	Trường	2025	2026	2027	2028	2029	2030
11	Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin (máy tính, hạ tầng mạng internet) tại các cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu về quản lý giáo dục, giảng dạy và học trực tuyến, ...	Hàng năm sửa chữa, nâng cấp: - Hệ thống máy tính phục vụ dạy và học: Mỗi phòng học phải có 01 bộ máy tính (máy tính, máy chiếu -Ti vi) được nối mạng internet để phục vụ việc dạy và học, đặc biệt đáp ứng thông số kỹ thuật dạy học trực tuyến; - Hệ thống máy tính phục vụ công tác quản lý đảm bảo cấu hình, tốc độ để làm việc theo chức năng, nhiệm vụ được giao; - Hạ tầng mạng, đường truyền internet đảm bảo tốc độ cao, đáp ứng các yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, chuyển đổi số.	X	X	X	X	X	X	X	X

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Nội dung	Phạm vi, quy mô		Lộ trình thực hiện					
			Phòng GDĐT	Trường	2025	2026	2027	2028	2029	2030
12	Xây dựng Hệ thống quản lý học và thi trực tuyến cho giáo viên và học sinh, phục vụ cho toàn ngành giáo dục	- Hệ thống quản lý học và thi trực tuyến cho giáo viên triển khai trong toàn ngành đảm bảo đồng bộ, tích hợp với CSDL ngành; giúp xây dựng Kho học liệu điện tử, học liệu mở, ngân hàng câu hỏi thi, ngân hàng đề thi của Phòng GDĐT, của các nhà trường; giúp giáo viên, học sinh trong việc dạy, học, ôn tập và kiểm tra chất lượng, thi lấy điểm chính thức bằng hình thức trực tuyến trên mạng internet theo hướng dẫn, chỉ đạo của Sở GDĐT. - Sử dụng chữ ký số để xác thực các nguồn học liệu số của giáo viên, kết quả đánh giá năng lực; - Liên thông với CSDL ngành về dữ liệu học sinh, giáo viên.	X	X	X	X	X	X	X	X
Tổng: 12 nhiệm vụ, đề án./.										

